

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ ; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Y học ; Chuyên ngành: Y tế Công cộng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: HÀ ANH ĐỨC
2. Ngày tháng năm sinh: 07/10/1973 ; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam ;
Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán: Xã Vĩnh Phong, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn HP4-04, Đường Hoa Phượng 04, Vinhomes Riverside Long Biên, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, TP. Hà Nội.
6. Địa chỉ liên hệ: Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế; số 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0936265696 ; E-mail: haanhduc@moh.gov.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 11/1998 đến 05/2002: Chuyên viên phòng Tổng hợp, Văn phòng Bộ Y tế.
- Từ 06/2002 đến 06/2004: Học Cao học Y tế công cộng tại Đại học Harvard, Hoa Kỳ.
- Từ 07/2004 đến 07/2006: Chuyên viên phòng Tổng hợp, Văn phòng Bộ Y tế.
- Từ 08/2006 đến 06/2010: Học Tiến sỹ Y tế công cộng tại Đại học Boston, Hoa Kỳ.
- Từ 07/2010 đến 02/2013: Chuyên viên phòng Tổng hợp, Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Bộ Y tế.
- Từ 02/2013 đến 05/2014: Thư ký Bộ trưởng, Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Bộ Y tế.
- Từ 05/2014 đến 06/2018: Thư ký Bộ trưởng, Phó Chánh Văn phòng Bộ Y tế.

- Từ 07/2018 đến 02/2020: Phó Chánh Văn phòng Bộ Y tế.
- Từ 03/2020 đến 08/2024: Chánh Văn phòng Bộ Y tế.
- Từ 08/2024 đến nay: Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế.

Chức vụ hiện nay: Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế.

Chức vụ cao nhất đã qua: Chánh Văn phòng Bộ, Bộ Y tế.

Cơ quan công tác hiện nay: Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế.

Địa chỉ cơ quan: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0246.2732093

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Trường Đại học Y tế Công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu.

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Y tế Công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội, Viện Dinh dưỡng.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 31 tháng 8 năm 1996; số văn bằng: B02867; ngành: Y, chuyên ngành: Bác sĩ Đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Hà Nội;

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 7 năm 1998; số văn bằng: B107765; ngành: Ngoại ngữ, chuyên ngành: Tiếng Anh; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Được cấp bằng ĐH ngày 13 tháng 7 năm 2000; số văn bằng: B193793; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Quản trị kinh doanh quốc tế; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Kinh tế quốc dân;

- Được cấp bằng ThS ngày 10 tháng 6 năm 2004; ngành: Y tế Công cộng; chuyên ngành: Dân số và Y tế quốc tế; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Harvard, Hoa Kỳ;

- Được cấp bằng TS ngày 16 tháng 5 năm 2010; ngành: Y tế Công cộng; chuyên ngành: Kinh tế y tế; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Boston, Hoa Kỳ.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ... , ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PHÓ GIÁO SƯ tại HĐGS cơ sở: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PHÓ GIÁO SƯ tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- a) Hệ thống y tế và bao phủ y tế toàn dân.
- b) Phòng chống các bệnh không lây nhiễm.
- c) Quản lý bệnh viện.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 03 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 05 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 Đề tài cấp Nhà nước và 03 Đề tài cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 82 bài báo khoa học, trong đó 26 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 06, trong đó 06 cuốn sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Bằng khen của Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam; Bằng khen của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Kỷ luật: Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trên cơ sở nền tảng kiến thức được đào tạo tại các Trường Đại học đầu ngành, chuyên sâu trong nước và quốc tế, kết hợp với quá trình công tác của bản thân gắn liền với hệ thống y tế, tôi đã vận dụng các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm bản thân trong công tác đào tạo tại các cơ sở giáo dục Đại học trực thuộc Bộ Y tế. Tôi đã tham gia thỉnh giảng tại Trường Đại học Y tế Công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội. Đồng thời, với kinh nghiệm làm nghiên cứu và công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế, tôi cũng trực tiếp hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho các nghiên cứu sinh và học viên cao học của các chuyên ngành Y tế công cộng, Quản lý bệnh viện, Răng - Hàm - Mặt và Dinh dưỡng. Cùng với đó, chủ biên, tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học phục vụ công tác đào tạo nhân lực y tế.

Với thế mạnh trong nghiên cứu khoa học, quản lý y tế và hợp tác quốc tế; trong quá trình giảng dạy tôi luôn cố gắng truyền đạt cho học viên các kiến thức khoa học gắn liền với hoạt động thực tiễn, áp dụng chuyên sâu trong quản lý nhà nước và điều kiện thực tiễn của ngành Y tế. Bên cạnh đó, tôi luôn vận dụng các kiến thức đã được đào tạo tại nước ngoài vào điều kiện thực tế của Việt Nam; tìm hiểu các phương pháp, kỹ năng giáo dục mới, hiện đại của thế giới để áp dụng trong quá trình giảng dạy, truyền thụ lại và hướng dẫn cho các thế hệ sinh viên.

Tôi tự đánh giá:

- Đảm bảo các tiêu chuẩn của nhà giáo quy định tại Điều 67, Luật Giáo dục 2019.
- Đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ của Nhà giáo quy định tại Điều 69, Luật Giáo dục 2019.
- Có tính trung thực, tính hợp tác với đồng nghiệp, khách quan trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.
- Có đủ sức khỏe để tiếp tục hợp tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 11 năm, từ năm 2014 đến nay (2025).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015			2				0/50/135
2	2015-2016	2		1				0/91/135
3	2016-2017	3		1				0/124/135
4	2017-2018	3						0/99/135
5	2018-2019	1						0/33/135
6	2019-2020							
7	2020-2021							
8	2021-2022						70	70/105/135
03 năm học cuối								
9	2022-2023						130	130/195/135
10	2023-2024					15	95	110/157,5/135
11	2024-2025			1			160	160/245/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước: ...; Từ năm đến năm ...

- Bảo vệ luận văn Thạc sĩ ☒; Tại nước: Hoa Kỳ, năm 2004.

- Bảo vệ luận án Tiến sĩ ☒; Tại nước: Hoa Kỳ, năm 2010.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; số bằng: B107765; năm cấp: 1998

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Ngoại ngữ, chuyên ngành Tiếng Anh; Học Thạc sĩ và Tiến sĩ tại Hoa Kỳ.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Khúc Thị Hiền	x		x		2015-2018	Viện Dinh dưỡng	21/04/2023
2	Đinh Văn Sơn	x		x		2015-2018	Trường ĐH Y Hà Nội	08/12/2021
3	Phạm Thị Thanh Bình	x		x		2016-2019	Trường ĐH Y Hà Nội	05/01/2022
4	Hoàng Văn Quỳnh		x	x		2014-2015	Trường ĐH Y Hà Nội	10/02/2015
5	Ngô Quốc Huy		x	x		2014-2015	Trường ĐH Y tế Công cộng	06/03/2015
6	Lê Thanh Tuyền		x	x		2015-2016	Trường ĐH Y tế Công cộng	25/02/2016
7	Phạm Hoài Nam		x	x		2016-2017	Trường ĐH Y tế Công cộng	28/12/2016
8	Đinh Giang Linh		x	x		2024-2025	ĐH Y tế Công cộng	15/04/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
2							
...							

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
II Sau khi được công nhận TS							
1	Báo cáo chung tổng quan ngành Y tế năm 2015: Tăng cường Y tế cơ sở hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân	TK	NXB Y học, 2016	17	Tham gia biên soạn	06-13	- Quyết định số 1243/QĐ-VDD ngày 28/9/2017 của Viện Dinh Dưỡng - Giấy xác nhận sử dụng sách ban hành tháng 4/2017 của Trường Đại học Y tế công cộng - Biên bản số 05/BB-HĐKHĐT ngày 12/4/2017 của Trường Đại học Y tế công cộng
2	Báo cáo chung tổng quan ngành Y tế năm 2014: Tăng cường dự phòng và kiểm soát bệnh không lây nhiễm	TK	NXB Y học, 2015	18	Tham gia biên soạn	119-135	- Quyết định số 1243/QĐ-VDD ngày 28/9/2017 của Viện Dinh Dưỡng - Giấy xác nhận sử dụng sách ban hành tháng 4/2017 của Trường Đại học Y tế công cộng - Biên bản số 05/BB-HĐKHĐT ngày 12/4/2017 của Trường Đại học Y tế công cộng
3	Báo cáo chung tổng quan ngành Y tế năm 2013: Hướng tới Bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân	TK	NXB Y học, 2013	16	Tham gia biên soạn	62-71	- Quyết định số 1243/QĐ-VDD ngày 28/9/2017 của Viện Dinh Dưỡng - Giấy xác nhận sử dụng sách ban hành

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
							tháng 4/2017 của Trường Đại học Y tế công cộng - Biên bản số 05/BB-HĐKHĐT ngày 12/4/2017 của Trường Đại học Y tế công cộng
4	Thực trạng sức khỏe và sử dụng dịch vụ y tế của người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và phụ nữ tại Thái Nguyên	TK	NXB Văn hóa - Thông tin, 2013	03	Chủ biên	03-10; 33-55	Quyết định số 1243/QĐ-VDD ngày 28/9/2017 của Viện Dinh Dưỡng
5	Báo cáo chung tổng quan ngành Y tế năm 2012: Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh	TK	NXB Y học, 2012	14	Tham gia biên soạn	13-32	- Quyết định số 1243/QĐ-VDD ngày 28/9/2017 của Viện Dinh Dưỡng - Giấy xác nhận sử dụng sách ban hành tháng 4/2017 của Trường Đại học Y tế công cộng - Biên bản số 05/BB-HĐKHĐT ngày 12/4/2017 của Trường Đại học Y tế công cộng
6	Báo cáo chung tổng quan ngành Y tế năm 2011: Nâng cao năng lực quản lý, đổi mới tài chính y tế để thực hiện kế hoạch 5 năm của ngành y tế, 2011-2015	TK	NXB Y học, 2011	18	Tham gia biên soạn	15-25	- Quyết định số 1243/QĐ-VDD ngày 28/9/2017 của Viện Dinh Dưỡng - Giấy xác nhận sử dụng sách ban hành

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
							tháng 4/2017 của Trường Đại học Y tế công cộng - Biên bản số 02/BB-HĐKHĐT ngày 14/3/2016 của Trường Đại học Y tế công cộng

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
2					
...					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu xây dựng gói dịch vụ Y tế cơ bản hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân dựa trên bảo hiểm y tế tại Việt Nam	Thành viên	Nhà nước Mã số ĐTĐL.XH-05/15	2015-2018	31/03/2021 Xuất sắc
2	Xây dựng quy trình phát hiện <i>Campylobacter jejuni</i> , <i>Campylobacter coli</i> trong thịt gia cầm bằng phương pháp multiplex PCR	Chủ nhiệm	Cơ sở	2015	28/12/2015 Khá
3	Xây dựng thường quy kỹ thuật định lượng	Chủ nhiệm	Cơ sở	2013	26/12/2014

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	Clenbuterol trong thịt bằng phương pháp sắc ký khí khối phổ				Xuất sắc
4	Thực trạng nhu cầu về năng lực, kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dinh dưỡng tại 1 số tỉnh khó khăn	Chủ nhiệm	Cơ sở	2013	02/08/2014 Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I. Trước khi được công nhận TS								
1.1. Bài báo quốc tế								
1	Health insurance reform in Vietnam: A review of recent developments and future challenges	4		Health Policy and Planning	SCIE IF (năm 2008): 1.953 Scopus Q1 (2008) H-index 109	199	23; 252-263	03/2008
1.2. Bài báo trong nước								
2	Migration and determinants of health insurance card ownership in major places of destination of in-migration in Vietnam	4		Vietnam Journal of Family and Gender Studies			4(1&2); 49-63	12/2009

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
3	Các yếu tố ảnh hưởng đến độ bao phủ bảo hiểm y tế ở những người trong độ tuổi lao động	1	x	Tạp chí Y học thực hành			3(536); 17-20	03/2006
II. Sau khi được công nhận TS								
2.1. Bài báo quốc tế								
4	Conquering Hypertension in Vietnam: 12- Month Follow Up Results from a Cluster-Randomized Controlled Trial	14		The Lancet Regional Health – Western Pacific	SCIE IF: 168.9		48;01-12	07/2024
5	Lifestyle practices and associated factors among adults with hypertension: Conquering Hypertension in Vietnam-solutions at the grassroots level study	11		PloS ONE	SCIE IF: 3.7 Scopus Q1 (2024) H-index 435	1	19(6); 01-10	06/2024
6	Peer Texting to Promote Quitline Use and Smoking Cessation Among Rural Participants in Vietnam: Randomized Clinical Trial	15		International Journal of Public Health	SCIE/ SSCI IF: 5.1 Scopus Q1 (2024) H-index 82		69;01-09	04/2024
7	Characteristics, in-hospital management, and complications of acute myocardial infarction in northern and Central Vietnam	10		International Journal of Cadiology	SCIE IF: 3.5	9	364;133-138	06/2022
8	Conquering hypertension in Vietnam-solutions at grassroots level: study protocol of a cluster	12	x	Trials	SCIE IF: 2.279 Scopus Q3 (2020) H-index 90	12	21:985; 01-14	11/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	randomized controlled trial							
9	Developing the Core Pillars of Training Global Cardiovascular Health Researchers: Companionship, Light, and Fuel	15		Global Heart	SCIE IF: 3.7 Scopus Q1 (2019) H-index 50	1	14 (4): 387-389	12/2019
10	The Kathmandu Declaration on Global CVD/Hypertension Research and Implementation Science: A Framework to Advance Implementation Research for Cardiovascular and Other Noncommunicable Diseases in Low- and Middle-Income Countries	48		Global Heart	SCIE IF: 3.7 Scopus Q1 (2019) H-index 50	29	14(2);103-107	06/2019
11	Stakeholder Engagement in Late-Stage Translation Phase 4 Research for Noncommunicable Diseases in Low- and Middle-Income Countries: What Works and Why-The Vietnam Experience (UMMS-Vietnam Team)	11	x	Global Heart	SCIE IF: 3.7 Scopus Q1 (2019) H-index 50	3	14(2);143-147	06/2019
12	Culturally adaptive storytelling intervention versus didactic intervention to improve hypertension control in Vietnam- 12 month follow up results: A	11		PLoS ONE	SCIE IF: 2.776 Scopus Q1 (2018) H-index 435	36	13(12);01-13	12/2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	cluster randomized controlled feasibility trial							
13	Method for the 2016 socio-economic and health survey in Chi Linh Health and Demographic Surveillance System (CHILILAB HDSS)	11		Asia-pacific Journal of Public health	SCIE /SSCI IF: 1.138 Scopus Q2 (2017) H-index 48	7	29(5); 09-17	07/2017
14	Culturally adaptive storytelling intervention versus didactic intervention to improve hypertension control in Vietnam: a cluster-randomized controlled feasibility trial	12		Pilot and Feasibility Studies	ESCI IF: 1.681 Scopus Q2 (2017) H-index 29	28	3:22; 01-11	06/2017
15	Effects of Eggshell Calcium Supplementation on Bone Mass in Postmenopausal Vietnamese Women	6		Journal of Nutritional Science and Vitaminology	Scopus IF: 0.674 Scopus Q3 (2017) H-index 68	33	63(2); 120-124	04/2017
16	Potential impact of Graphic Health Warnings on Cigarette Packages in Reducing Cigarette Demand and Smoking – Related Deaths in Vietnam	10		Asian Pacific Journal of Cancer Prevention	Scopus Q2 (2016) H-index 91	9	17; 85-90	05/2016
17	Relative Importance of Different Attributes of Graphic Health Warnings on Tobacco Packages in Vietnam	10		Asian Pacific Journal of Cancer Prevention	Scopus Q2 (2016) H-index 91	4	17; 79-84	04/2016
18	Culturally adaptive storytelling method to improve hypertension control in Vietnam - “We talk about our	10		Trials	SCIE IF (năm 2016): 1.969 Scopus Q1 (2016)	30	17:26; 01-09	01/2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	hypertension”: study protocol for a feasibility cluster-randomized controlled trial				H-index 91			
19	Cost of Hospitalization for Foodborne Diarrhea: A Case Study from Vietnam	4		The Korean Academy of Medical Sciences	SCIE IF: 1.256	24	30; 178-182	11/2015
20	Patterns of Health Expenditures and Financial Protections in Vietnam 1992-2012	7		The Korean Academy of Medical Sciences	SCIE IF: 1.256	43	30;134-138	11/2015
21	Pre-hospital delay in Vietnamese patients hospitalized with a first acute myocardial infarction: A short report	5		F1000 Research	Scopus Q1 (2023) H-index 105	4	4:633; 01-14	08/2015
22	Progress toward universal health coverage in ASEAN	13		Global Health Action	SCIE IF (năm 2014): 1.930 Scopus Q2 (2014) H-index 68	136	7; 01-12	12/2014
23	Prevalence of Comorbidities and Their Impact on Hospital Management and Short-Term Outcomes in Vietnamese Patients Hospitalized with a First Acute Myocardial Infarction	6		PLoS ONE	SCIE IF (năm 2014): 3.234 Scopus Q1 (2014) H-index 435	36	9(10); 01-07	10/2014
24	Innovations in non-communicable diseases management in ASEAN: a case series	4		Global Health Action	SCIE IF (năm 2014): 1.930 Scopus Q2 (2014) H-index 68	43	7; 01-10	09/2014
25	Sex Differences in Clinical	8		PLoS ONE	SCIE IF (năm 2014):	26	9(4); 01-06	04/2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Characteristics, Hospital Management Practices, and In-hospital Outcomes in Patients Hospitalized in a Vietnamese Hospital with a First Acute Myocardial Infarction				3.234 Scopus Q1 (2014) H-index 435			
26	Prevalence, Awareness, Treatment, and Control of High Blood Pressure: A population - based survey in Thai Nguyen, Vietnam	5	x	PLoS ONE	SCIE IF (năm 2013) : 3.534 Scopus Q1 (2013) H-index 435	55	8(6); 01-08	06/2013
27	Potential collaboration with the private sector for the provision of ambulatory care in the Mekong region, Vietnam	5	x	Global Health Action	SCIE IF (năm 2012): 2.062 Scopus Q2 (2012) H-index 68	14	5; 01-11	04/2012
28	Cost-effectiveness analysis of prevention interventions to reduce cardiovascular disease in Vietnam	2	x	Health Policy and Planning	SCIE IF (năm 2011): 2.651 Scopus Q1 (2011) H-index 109	85	26(3); 210-222	05/2011
2.2. Bài báo trong nước								
29	Đặc điểm và một số yếu tố liên quan ở trẻ từ 06-59 tháng tuổi được chẩn đoán viêm phổi tại Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn năm 2023-2024	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam			551 (1): 302-306	06/2025
30	Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của trẻ từ 6-36 tháng tuổi tại Phòng khám Dinh dưỡng và tiêm chủng, Trường Đại học Y Hà	3	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học			191 (6):508-516	06/2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Nội.							
31	Thực trạng và nhu cầu đào tạo của nhân viên y tế tham gia điều trị người bệnh COVID-19 tại tỉnh Bình Dương và Kiên Giang	3	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học			191 (6):538-545	06/2025
32	Tình trạng dinh dưỡng của trẻ từ 36-59 tháng tuổi tại một trường mầm non ngoại thành Hà Nội năm 2024	3	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học			191 (6):567-574	06/2025
33	Trải nghiệm của người bệnh nội trú về khía cạnh tương tác của nhân viên y tế tại Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Tĩnh năm 2023	2	x	Tạp chí Y học cộng đồng			66(8):181-186	05/2025
34	Triệu chứng tiêu hoá và đặc điểm dinh dưỡng của người cao tuổi điều trị tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2023-2024	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam			550(3):316-320	05/2025
35	Khảo sát thực trạng sử dụng kháng sinh trên người bệnh hệ ngoại tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình năm 2020	3	x	Tạp chí Y học cộng đồng			66(5): 107-112	05/2025
36	Phân tích các yếu tố liên quan đến trải nghiệm của người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Tĩnh năm 2023	2		Tạp chí Y học cộng đồng			66(5): 226-232	05/2025
37	Thực trạng sức khoẻ tâm thần của nhân viên y tế tham gia	3	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học			189(4):350-357	04/2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	chống dịch COVID-19 tại Bình Dương và Kiên Giang							
38	Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của người bệnh trước phẫu thuật dạ dày tại Bệnh viện K Tân Triều năm 2024.	3	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học			189(4):358-367	04/2025
39	Tuân thủ điều trị và một số yếu tố liên quan ở người nghiện chất dạng thuốc phiện đang được quản lý điều trị thay thế bằng Methadone tại tỉnh Quảng Bình năm 2023	3		Tạp chí Khoa học nghiên cứu sức khỏe và phát triển			09(2): 9-17	04/2025
40	Thực trạng tử vong do tai nạn thương tích tại Việt Nam giai đoạn 2012-2022	5		Tạp chí Y học dự phòng			34 (6): 36-43	10/2024
41	Tình trạng dinh dưỡng của trẻ em 36-59 tháng tuổi tại một số trường mầm non trên địa bàn thành phố Sơn La năm 2015	6		Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm			17(4);18-28	10/2021
42	Hiệu quả bổ sung đa vi chất dinh dưỡng và bột lá cây Shell Ginger trong cải thiện tình trạng dinh dưỡng và chỉ số miễn dịch của trẻ em dân tộc Thái 36-59 tháng tuổi tại thành phố Sơn La	6		Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm			17(4);82-92	10/2021
43	Thực trạng chấn thương, bệnh liên quan đến nghề nghiệp và các yếu tố liên quan tại một số làng	7		Tạp chí Y học dự phòng			30(4);53-60	07/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	nghe thuộc tỉnh Hưng Yên năm 2018							
44	Thực trạng bệnh da nghề nghiệp do tiếp xúc môi trường ẩm ướt và lạnh kéo dài ở công nhân ngành chế biến thủy sản tại một số tỉnh khu vực phía nam	5		Tạp chí Y học dự phòng			30(4);61-68	07/2020
45	Thực trạng môi trường lao động của các cơ sở sản xuất tại Việt Nam trong 3 năm (2016-2018)	5		Tạp chí Y học dự phòng			30(4);170-175	07/2020
46	Thực trạng sức khỏe người lao động và một số yếu tố liên quan tại một số bệnh viện phía Bắc năm 2018	6		Tạp chí Y học dự phòng			30(4);176-182	07/2020
47	Thực trạng mắc bệnh bụi phổi SILIC của người lao động tại hai nhà máy luyện gang thép ở Thái Nguyên năm 2018	9		Tạp chí Y học dự phòng			30(4);205-212	07/2020
48	Một số đặc điểm giải phẫu nụ cười của nhóm sinh viên từ 18-25 tuổi có nụ cười hài hòa tại Hà Nội	3		Tạp chí Y học thực hành			6(1136);188-192	06/2020
49	Thực trạng tổn thương mòn cổ răng ở người cao tuổi tỉnh Bình Dương và một số yếu tố ảnh hưởng	3		Tạp chí Y học thực hành			1135(6);96-98	06/2020
50	Kết quả điều trị tổn thương mòn cổ răng bằng GC Fuji II LC Capsule	3		Tạp chí Y học Việt Nam			484(1);22-26	10/2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
51	So sánh vi kế phục hồi tổn thương mòn cổ răng sử dụng Fuji II LC Capsule và Composite	3		Tạp chí Y học Việt Nam			482(2);21-24	09/2019
52	Một số yếu tố liên quan đến thẩm mỹ nụ cười của nhóm sinh viên 18-25 tuổi tại Bình Dương	3		Tạp chí Y học thực hành			1088(1);28-30	01/2019
53	Hiệu quả chế độ ăn giảm muối với thay đổi huyết áp của người 50-70 tuổi tiền tăng huyết áp tại Hà Nội	4		Tạp chí Y học dự phòng			27(6);58-64	08/2017
54	Tập quán nuôi con bằng sữa mẹ và cho con ăn bổ sung của các bà mẹ người dân tộc Ê-Đê, M'Nông tại Tây Nguyên từ năm 1986 đến 2015	3		Tạp chí Y học Việt Nam			457(2);114-118	08/2017
55	Thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai các quy định cấm quảng cáo và khuyến mại rượu bia tại Việt Nam	4		Tạp chí Y học cộng đồng			39;63-69	08/2017
56	Tiến triển suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi Việt Nam từ năm 2011-2015	3		Tạp chí Y học thực hành		2	8(1053);02-05	08/2017
57	Đặc điểm khẩu phần ăn và muối natri ở người 50-70 tuổi tại Hà Nội năm 2013	4		Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm			13(6);71-77	08/2017
58	Tình trạng thiếu folate ở phụ nữ có thai và một số yếu tố liên quan tại một số xã miền núi phía Bắc	4		Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm			13(6);05-11	07/2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
59	Tình trạng dinh dưỡng và khẩu phần của người 50-70 tuổi tại quận Long Biên, Hà Nội	3		Tạp chí Y học Việt Nam			456(1);106-110	07/2017
60	Những thay đổi tích cực về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ dân tộc Thái từ 1987 đến 2015	4		Tạp chí Y học thực hành			7(1050); 02-06	07/2017
61	Tình hình suy dinh dưỡng của bệnh nhân ở một số bệnh viện năm 2013 và đề xuất các giải pháp cải thiện	3		Tạp chí Y học thực hành			7; 69-73	07/2017
62	Tử vong do tự tử ở trẻ em và vị thành niên ở Việt Nam giai đoạn 2005-2014	3	x	Tạp chí Y học dự phòng			27(3);23-29	07/2017
63	Tình hình tử vong do các bệnh không lây nhiễm tại Việt Nam năm 2014	2	x	Tạp chí Y học dự phòng			27(3);30-36	07/2017
64	Kiến thức của điều dưỡng và hộ lý về quản lý chất thải rắn y tế tại một số khoa, trung tâm thuộc Bệnh Viện E năm 2016	3		Tạp chí Y học dự phòng		3	27(5);309-316	07/2017
65	Đặc điểm các trường hợp tử vong do đuối nước được ghi nhận tại trạm y tế xã của 63 tỉnh giai đoạn 2005-2014	2		Tạp chí Y học thực hành			6(1049); 59-62	06/2017
66	Nghiên cứu thực trạng tử vong do tự tử tại 63 tỉnh/ thành phố giai đoạn 2005-2014	2		Tạp chí Y học thực hành			6(1049); 85-87	06/2017
67	Tình trạng kháng thể IgG kháng sỏi ở các	6		Tạp chí Y học dự phòng			27(3);71-80	04/2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	cặp mẹ-con đến khám thai và sinh tại Bệnh viện Đa khoa Đông Anh, Hà Nội, năm 2016							
68	Tử vong do tai nạn thương tích ở người cao tuổi tại Việt Nam giai đoạn 2010-2014	2		Tạp chí Y học Việt Nam			453(1); 250-254	04/2017
69	Kiến thức, thực hành phòng biến chứng tăng huyết áp ở bệnh nhân tăng huyết áp đang điều trị ngoại trú tại huyện Tân Yên, Bắc Giang	3		Tạp chí Y học thực hành			4(1039);17-19	04/2017
70	So sánh chi phí điều trị Liệt VII ngoại biên do lạnh bằng phương pháp cấy chỉ Catgut vào huyết và phương pháp ôn châm	3	x	Tạp chí Y học thực hành			4(1040);236-238	04/2017
71	Mối tương quan giữa stress ở bệnh nhân ung thư vú với một số khó khăn trong sinh hoạt thường ngày và triệu chứng thực thể.	3		Tạp chí Y học thực hành			4(1040);171-174	04/2017
72	Stress và một số yếu tố liên quan đến tới đặc điểm nhân khẩu học và thời gian chẩn đoán ở người bệnh ung thư vú	3		Tạp chí Y học thực hành			4(1040);177-180	04/2017
73	Một số yếu tố liên quan đến các bệnh lý học đường và sử dụng dịch vụ y tế ở học sinh tiểu học tại quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, 2010-2012	7		Tạp chí Y học dự phòng			27(2);162-169	03/2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
74	Kiến thức về phòng chống tai nạn thương tích ở học sinh trường Trung học Phổ thông Lê Viết Thuật, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An năm 2006	5		Tạp chí Y học dự phòng			27(2);148-155	03/2017
75	Thực trạng và các yếu tố liên quan đến bạo lực thể chất của học sinh trường Trung học phổ thông tại Chương Mỹ, Hà Nội năm 2016	5		Tạp chí Y học dự phòng			27(2);153-161	03/2017
76	Thực trạng vi phạm các quy định về quảng cáo, khuyến mại sản phẩm rượu tại các điểm bán lẻ tại Việt Nam năm 2015	4		Tạp chí Y học cộng đồng			38;104-108	03/2017
77	Bạo lực điện tử và một số yếu tố liên quan tại trường trung học phổ thông Chương Mỹ A, Chương Mỹ, Hà Nội	5		Tạp chí Y học thực hành			2(1034); 173-176	02/2017
78	Mối liên quan giữa một số yếu tố khí hậu và hội chứng cúm tại Hòa Bình giai đoạn 2006-2015	4		Tạp chí Y học dự phòng			27(1);199-205	02/2017
79	Hiểu biết, thái độ và mức tiêu thụ nước ngọt có ga không cồn ở học sinh hai trường trung học phổ thông tại Hà Nội năm 2015	3		Tạp chí Y – Dược học Quân sự			2(42);24-32	02/2017
80	Chất lượng cuộc sống và một số yếu tố liên quan của người cao tuổi được quản lý tại Ban bảo vệ sức khỏe Đồng Tháp, năm 2015	3		Tạp chí Y học thực hành			2(997); 09-11	02/2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
81	Đánh giá vai trò của các tổ chức cộng đồng hoạt động phòng chống HIV/AIDS	3	x	Tạp chí Y học thực hành			9(840); 29-33	09/2012
82	Đánh giá phản hồi nhanh về danh mục thuốc dành cho trẻ em dưới 6 tuổi được quỹ bảo hiểm y tế chi trả	1	x	Tạp chí Y học thực hành			2(807); 21-25	02/2012

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 05 bài báo khoa học, TT gồm: 08, 11, 26, 27, 28.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không.

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Anh Đức